TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số 1124/2025/DS-PT
Ngày 10/09/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trí Thức

Bà Bùi Thị Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Doan- Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 612/2024/TLPT–DS ngày 8 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất (nay là TAND khu vực 13, TP.Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4099/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn xét xử phúc thẩm số 14844/2025/QĐPT-DS ngày 21/08/2025; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: 12/20A ấp 20, xã XTS, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Duy T, sinh năm 1988; Địa chỉ: 13/13 đường 36, khu phố 32, phường TH, TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh 1993 và Bà Dương Ngọc Th, sinh 1993; Địa chỉ: 1Ô17/21 tổ 17 ấp An Hải, xã PH, TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Anh Thắng, sinh năm 1991 Địa chỉ: tổ 6 ấp An Hòa, xã PH, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4. Người làm chứng: Bà Đỗ Thị Thùy V, sinh năm 1988; Địa chỉ: 52/3C khu phố 8, xã HM, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Ông Lê Minh T và Bà Dương Ngọc Th.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai nguyên đơn* Bà Phạm Thị M *và người đại diện trình bày:* Bà M với vợ chồng bị đơn ông Lê Minh T bà Dương Ngọc Th không có quan hệ quen biết nhau nhưng thông qua bà Đỗ Thị Thùy V (bà V là chị dâu họ của ông Lê Anh Thắng) nên ông Thắng giới thiệu cho Bà M làm quen với vợ chồng ông Lê Minh T. Do vợ chồng ông T có nhu cầu kinh doanh bất động sản nên Bà M đứng ra cho vợ chồng ông T bà Th vay tiền. Cụ thể như sau: Lần thứ 1 vào ngày 24-3-2022 Bà M cho vợ chồng ông T vay 1 tỷ tại nhà ông Thắng có mặt ông Thắng, bà V, ông T (còn bà Th vợ ông T) do sinh em bé nên không có mặt và ông T đem giấy về cho vợ ký tên. Giấy Hợp đồng vay tiền do bà V viết và các bên ký tên. Lần thứ 2 vào ngày 24-9-2022 Bà M cho vợ chồng ông T vay thêm 1 tỷ tại Văn phòng giao dịch bất động sản của ông T, những người có mặt gồm ông Thắng, bà V, ông T còn bà Th không có mặt nhưng sau đó có ký tên. Giấy mượn tiền do bà V viết phần bên cho mượn tiền còn phần bên mượn tiền và số tiền do ông T viết. Qua hai lần vay ông T đều nhận tiền mặt từ Bà M. Lãi suất vay do hai bên thỏa thuận không ghi trong giấy. Sau khi vay, đến hạn ông T không trả nợ gốc và lãi nên Bà M yêu cầu bà V đi gặp ông T để đòi nợ nhưng ông T hứa hẹn rồi sau đó né tránh nên Bà M khởi kiện. Nay Bà M yêu cầu vợ chồng ông T bà Th trả nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi từ 24-11-2022 đến nay (24-4-2025) là 29 tháng với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) và được tính như sau: 2.000.000.000đ x 29 tháng x 0,83%/tháng = 481.400.000đ.

**/Tại các bản khai bị đơn ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th trình bày:* Ông T với bà Th là vợ chồng, việc vợ chồng ông T quen biết Bà M là do thông qua ông Lê Anh Thắng (ông Thắng với ông T là anh em cô cậu). Vợ chồng ông T không có vay tiền của Bà M, việc vợ chồng ông T ký tên vào các giấy vay tiền do Bà M cung cấp để khởi kiện tại Tòa án là do trước đây ông T có làm ăn chung với ông Thắng trong việc kinh doanh bất động sản nên khi ông Thắng cần tiền gì đó thì có nhờ ông T ký vào các tờ giấy để ông Thắng đi vay ngân hàng nên ông T và vợ cùng ký vào các giấy này. Những tờ giấy vợ chồng ông T ký tên là giấy khống sau đó ai ghi nội dung họ tên vào thì ông T không biết. Riêng tờ giấy mượn tiền ghi ngày 24-9-2022 thì phần "Bên mượn tiền" là do ông T ghi nhưng giấy này được ghi vào ngày 26-3-2021 và ông T có chụp hình lại bằng điện thoại của mình. Vợ chồng ông T không có vay tiền của Bà M còn ai vay thì vợ chồng ông T không biết, vợ chồng ông T được biết ông Thắng có nợ tiền mấy anh chị em Bà M còn nợ bao nhiêu thì không biết. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Bà M thì vợ chồng ông T không đồng ý vì vợ chồng ông T không vay tiền của Bà M.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh Thắng trình bày:*

Ông Thắng khẳng định là số tiền 2 tỷ Bà M đang kiện vợ chồng ông T là do ông T vay không liên quan đến ông Thắng. Trước đây ông Thắng có nợ một người chị quen biết ngoài xã hội (người này ông T có biết) số tiền 2 tỷ và ông T nói sẽ trả (gánh) cho ông Thắng số tiền này còn ông Thắng có trách nhiệm trả cho Bà M 2 tỷ mà ông T nợ và ông Thắng đồng ý. Nhưng khi ông Thắng nói với Bà M về việc trả nợ này thì Bà M không chịu để cho ông Thắng trả thay cho ông T nên Bà M đi kiện ông T. Tại phiên tòa hôm nay, ông Thắng khai nhận số tiền 2 tỷ Bà M đang khởi kiện

là do ông T vay của Bà M sau đó ông T có đưa cho ông Thắng 1 tỷ để làm ăn chung. Cho nên số tiền 2 tỷ là ông T nợ Bà M còn ông Thắng nợ ông T 1 tỷ và có trách nhiệm trả cho ông T. Ở phần mặt sau tờ giấy Hợp đồng vay tiền ngày 24-3-2022, dòng chữ "gia hạn hợp đồng từ ngày 24 tháng 8 đến ngày 24 tháng 11 năm 2022 số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ đồng chẵn)" là do ông Thắng viết và vợ chồng ông T ký tên.

**/ Người làm chứng bà Đỗ Thị Thùy V trình bày:* Bà V với Bà M là chị em bạn dâu họ, bà V biết ông T có nhu cầu vay tiền nên bà V giới thiệu Bà M cho ông T vay. Những lần ông T vay nhận tiền của Bà M đều có mặt bà V chứng kiến đồng thời bà V là người viết giấy Hợp đồng vay tiền ngày 24-3-2022 để cho các bên ký tên. Còn giấy mượn tiền ngày 24-9-2023 bà V là người viết phần bên cho mượn tiền những phần còn lại do ông T viết. Ông T nói ông T không phải là người vay tiền của Bà M là không đúng vì những lần ông T nhận tiền vay từ Bà M đều có mặt bà V.

**/Tại bản án dân sự sơ* thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất;Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị M đối với ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th.

+Ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th phải có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị M số tiền gồm: Nợ gốc 2.000.000.000đ; Nợ lãi 481.400.000đ. Tổng cộng: 2.481.400.000đ (Hai tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

**/*Ngày 7/5/2025 Ông Lê Minh T và Bà Dương Ngọc Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Đề nghị xét xử lại vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Bị đơn thừa nhận chữ ký chữ viết người vay tiền là của mình nên phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn theo luật định; Tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ lấy 200 triệu tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm. Bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc 2 tỷ đồng và tiền lãi 200 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Đơn kháng cáo của bị đơn ông T, bà Th trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả trả nợ gốc 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng):

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 24/3/2022 và giấy mượn tiền ngày 24/9/2022, thì thấy: Từ 24/3/2022 đến 24/9/2022 vợ chồng ông T bà Th có vay của Bà M số tiền 2 tỷ đồng, cụ thể: ngày 24/3/2022 vay 1 tỷ đồng bằng giấy Hợp đồng vay tiền và ngày 24/9/2022 vay 1 tỷ đồng bằng giấy mượn tiền có đầy đủ chữ ký của Bà M, vợ chồng ông T bà Th, người làm chứng là bà V và các bên thừa nhận đúng với chữ ký của mình.

Ông T bà Th thừa nhận các giấy vay tiền là do mình ký tên nhưng mục đích ký là để cho ông Thắng đi vay tiền ngân hàng, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Ông T bà Th cho rằng số tiền 2 tỷ đồng mà Bà M khởi kiện là bảo lãnh cho ông Thắng vay nợ của Bà M. Bà M không thừa nhận.

Bà M chứng minh được vợ chồng ông T bà Th vay nợ bằng 02 giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của vợ chồng ông T bà Th.

Tại trang 02 của giấy Hợp đồng vay tiền ngày 24/3/2022 có ghi: "gia hạn hợp đồng từ ngày 24 tháng 8 đến ngày 24 tháng 11 năm 2022 số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ đồng chẵn)". Các bên đương sự thừa nhận dòng chữ này do ông Thắng viết và vợ chồng ông T ký tên. Qua đó cho thấy sau khi ký tên vào ngày 24-3-2022 đến 05 tháng sau, khi gia hạn thêm thời gian vợ chồng ông T tiếp tục ký tên nên vợ chồng ông T bà Th nói ký khống vào giấy vay tiền là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, ông Thắng khai nhận số tiền 2. 000.000.000 ồ ng Bà M đang khởi kiện là do vợ chồng ông T vay của Bà M sau đó ông T có đưa cho ông Thắng mượn 1.000.000.000 ồ ng để hùn vốn làm ăn chung. Cho nên số tiền 2.000.000.000 là ông T nợ Bà M.

Người làm chứng bà V xác định những lần vợ chồng ông T bà Th vay tiền của Bà M đều có mặt bà V và bà V là người trực tiếp viết giấy vay tiền để cho vợ chồng ông T bà Th ký tên.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Ông T bà Th có vay của Bà M số tiền 2.000.000.000đ đến nay chưa trả nên phải có nghĩa vụ trả cho Bà M cả gốc và lãi.

[2.2] Xét về yêu cầu trả tiền lãi 481.400.000 đồng, thì thấy:

Sau khi vay tiền vợ chồng ông T không trả lãi cho Bà M nên vợ chồng ông T phải có trách nhiệm trả lãi; Bà M yêu cầu tính lãi là phù hợp về mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận và lãi được tính như sau: 2 .000.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 29 tháng = 481.400.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Bà M chỉ yêu cầu trả lãi 200.000.000 đồng, là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh Thắng:

Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông T cho rằng ông Thắng là người cùng vay nợ, nên phải liên đới trả nợ; Tuy nhiên ông Thắng, Bà M không đồng ý và vợ chồng ông T không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó không thể buộc ông Thắng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa ông Thắng xác nhận sẽ trả cho vợ chồng ông T 1 tỷ đồng để ông T trả cho Bà M. Việc ông Thắng với vợ chồng ông T vay nợ như thế nào sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

+ Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th phải chịu án phí với số tiền phải trả 2 tỷ 200 triệu đồng = 72.000.000 đồng + (2% x 200.000.000 đồng) = 76.000.000 đồng

Bà Phạm Thị M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 39.320.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003055 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất.

+ Về Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th không phải chịu 300.000 đồng, được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003831 ngày 07/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận nhận một phần kháng cáo, Sửa bản án sơ thẩm số số 26/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất (nay là TAND khu vực 13, TP. Hồ Chí Minh), như sau:

Áp dụng: Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị M đối với ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th.

+Ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho Bà Phạm Thị M số tiền: 2.200.000..000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng)

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th phải chịu 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng)

Bà Phạm Thị M được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 39.320.000đ theo biên lai thu tiền số 003055ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất (nay là thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh).

3. Về Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Minh T và bà Dương Ngọc Th được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003831 ngày 07/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất (nay là thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/09/2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS thành phố Hồ Chí Minh.
- P.THADS khu vực 13
- TAND khu vực 13
- Đương sự
- Lưu hồ sơ .(55)

Đã ký

Trịnh Hoàng Anh